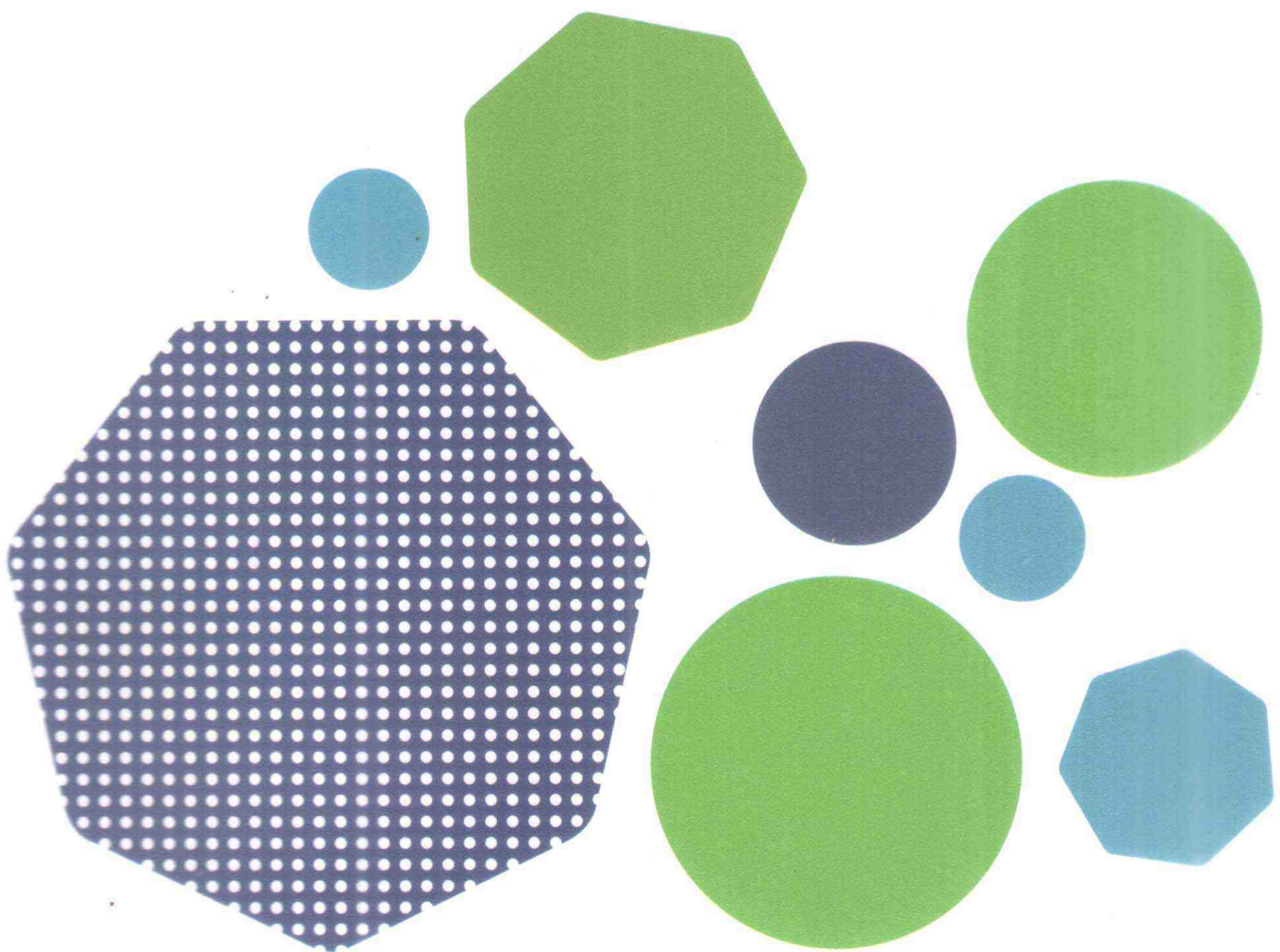


CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, Kp. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 từ trang 5 đến trang 38 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hải	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phúc	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Trung Dương	Trưởng ban
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hải	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Võ Phước Hồng.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

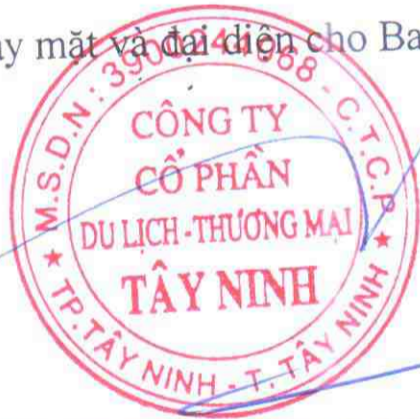
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2015

Số: 105/2015/UHYACA/HCM-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương Mại Tây Ninh lập tại ngày 30/06/2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán kết thúc vào ngày trên. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty với ý kiến kiểm toán ngoại trừ về khoản cổ tức từ các công ty con đã ghi nhận trước vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2014 với giá trị là 12.869.736.000 đồng. Việc ghi nhận như trên không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến ngày 30/6/2015.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2015

Lương Ngô Bảo Trân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.712.085.827	41.602.250.231
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.058.830.600	9.801.201.693
Tiền	111		1.741.857.452	1.001.201.693
Các khoản tương đương tiền	112		19.316.973.148	8.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.030.416.667	1.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.030.416.667	1.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.011.167.481	17.519.857.639
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.719.946.816	1.636.802.900
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		209.991.029	697.900.400
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	19.247.975.099	15.351.899.802
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	13	(477.774.830)	(477.774.830)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	12	311.029.367	311.029.367
Hàng tồn kho	140	9	6.022.480.463	12.252.100.250
Hàng tồn kho	141		6.022.480.463	12.252.100.250
Tài sản ngắn hạn khác	150		589.190.616	1.029.090.649
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	291.623.423	104.688.152
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.706.997	673.389.599
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	292.860.196	251.012.898
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.277.822.418	46.387.919.078
Tài sản cố định	220		5.760.155.487	5.976.697.700
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.590.173.099	5.806.715.312
- Nguyên giá	222		7.170.707.950	7.115.707.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.580.534.851)	(1.308.992.638)
Tài sản cố định vô hình	227	11	169.982.388	169.982.388
- Nguyên giá	228		169.982.388	169.982.388
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	39.139.887.963	39.879.708.290
Đầu tư vào công ty con	251		27.459.910.430	27.459.910.430
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.419.797.860	12.419.797.860
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(739.820.327)	-
Tài sản dài hạn khác	260		377.778.968	531.513.088
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	377.778.968	531.513.088
TỔNG TÀI SẢN	270		94.989.908.245	87.990.169.309

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		9.511.229.170	6.022.243.848
Nợ ngắn hạn	310		9.222.746.170	5.787.258.348
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.835.456.998	1.175.162.421
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.398.000	1.809.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.215.712.513	721.000
Phải trả người lao động	314		590.185.570	1.584.004.844
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	142.484.149	200.596.464
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.624.772.668	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.657.262.178	2.811.835.525
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		148.474.094	13.129.094
Nợ dài hạn	330		288.483.000	234.985.500
Phải trả dài hạn khác	337	18	288.483.000	234.985.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85.478.679.075	81.967.925.461
Vốn chủ sở hữu	410	19	83.016.577.660	81.967.925.461
Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.702.100.000	45.702.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.702.100.000	45.702.100.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		30.078.573.461	24.218.159.363
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.235.904.199	12.047.666.098
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.235.904.199	12.047.666.098
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	20	2.462.101.415	-
Nguồn kinh phí	431		2.462.101.415	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		94.989.908.245	87.990.169.309

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Võ Phước Hồng

Đông Giám đốc



Lê Hữu Phước

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	89.097.922.471	61.262.060.145
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		89.097.922.471	61.262.060.145
Giá vốn hàng bán	11	22	80.671.630.295	59.125.460.266
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		8.426.292.176	2.136.599.879
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	4.159.914.635	8.296.737.955
Chi phí tài chính	22	24	752.803.660	2.134.375
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.983.333	2.134.375
Chi phí bán hàng	25	25	2.768.967.751	2.279.883.451
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.075.575.141	1.984.491.802
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.988.860.259	6.166.828.206
Thu nhập khác	31	26	1.001.543.940	262.785.253
Chi phí khác	32	27	165.000.000	1.500.000
Lợi nhuận khác	40		836.543.940	261.285.253
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.825.404.199	6.428.113.459
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.825.404.199	6.428.113.459
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.614	1.275
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	1.614	1.275

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng

Võ Phước Hồng

Đông Giám đốc



Lê Hữu Phước

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
		đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	7.825.404.199	6.428.113.459
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	271.542.213	114.409.615
Các khoản dự phòng	03	739.820.327	-
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05	(4.136.270.119)	(8.296.736.257)
Chi phí lãi vay	06	12.983.333	2.134.375
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.713.479.953	(1.752.078.808)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	27.033.548.813	15.863.396.652
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.047.126.487	(5.027.981.501)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(20.404.078.589)	(785.530.408)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(33.201.151)	(739.185.143)
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.983.333)	(2.134.375)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	922.720.735	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.978.812.152)	(982.640.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.287.800.763	6.573.846.417
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(55.000.000)	(228.124.105)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	459.376.144	122.609.372
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	404.376.144	(105.514.733)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	18.500.000.000	6.245.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.500.000.000)	(6.245.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.434.548.000)	(5.477.388.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.434.548.000)	(5.477.388.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	11.257.628.907	990.943.684
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.801.201.693	2.403.412.499
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.058.830.600	3.394.356.183

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Hiền

Võ Phước Hồng

Lê Hữu Phước

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương Mại Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2005 về việc triển khai cổ phần hóa Công ty Du Lịch Tây Ninh, và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du Lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương Mại Tây Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là lần thứ 7 ngày 01 tháng 08 năm 2014 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 của Công ty là 45.702.100.000 đồng được chia thành 4.570.210 cổ phần, Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố Ninh Phước, Phường Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là thương mại, dịch vụ.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Đại lý du lịch. Chi tiết: dịch vụ du lịch, tổ chức thực hiện các tour lữ hành quốc tế và nội địa;
- Buôn bán thực phẩm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Buôn bán sản phẩm thuốc lá, thuốc lào;
- Đối ngoại tệ cho du khách;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới.....);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Buôn bán đồ uống; Buôn bán tổng hợp;
- Đại lý môi giới đầu giá. Chi tiết: Bán vé máy bay, dịch vụ thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)

- Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Quảng cáo;

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh
- Công ty Cổ phần Lữ Hành Tây Ninh

Công ty có các công ty liên kết sau:

- Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh
- Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh

1.5 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn hàng hóa bia, nước giải khát. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ không tập trung vào một vài tháng cao điểm nào mà phát sinh đều qua các tháng.

1.6 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là buôn bán hàng hóa bia, nước giải khát cho khách hàng là người dân và các đại lý trong địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Bên cạnh đó, hiện nay trên địa bàn tỉnh Tây Ninh cũng có nhiều đại lý bán bia, nước giải khát với giá cạnh tranh hơn so với công ty cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành, và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, ngoại trừ một số thay đổi do áp dụng chế độ kế toán mới theo quy định tại Thông tư 200.

4.1 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.4 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí bảo hiểm xe và chi phí thuê kho trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian hợp đồng.

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.7 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.10 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Hoạt động kinh doanh nước giải khát, kinh doanh hạt điều và các hoạt động dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.11 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh, Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh, Công ty liên kết do Công ty CP Du lịch Thương mại Tây Ninh đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	729.584.873	409.243.316
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.012.272.579	591.958.377
Các khoản tương đương tiền (*)	19.316.973.148	8.800.000.000
Cộng	21.058.830.600	9.801.201.693

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất là 4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 30/06/2015			Tại 01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND		Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	
a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.030.416.667	1.030.416.667		1.000.000.000	1.000.000.000	
a1 Ngắn hạn	1.030.416.667	1.030.416.667		1.000.000.000	1.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.030.416.667	1.030.416.667		1.000.000.000	1.000.000.000	
+ Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Hòa Thành	1.030.416.667	1.030.416.667		1.000.000.000	1.000.000.000	
a2 Dài hạn	-	-		-	-	
	Tại 30/06/2015			Tại 01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	39.879.708.290	39.879.708.290	(739.820.327)	39.879.708.290	39.879.708.290	-
- Đầu tư vào công ty con	27.459.910.430	27.459.910.430	-	27.459.910.430	27.459.910.430	-
+ Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	24.931.910.430	24.931.910.430	-	24.931.910.430	24.931.910.430	-
+ Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh	2.528.000.000	2.528.000.000	-	2.528.000.000	2.528.000.000	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	12.419.797.860	12.419.797.860	(739.820.327)	12.419.797.860	12.419.797.860	-
+ Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh	3.709.415.000	3.709.415.000	-	3.709.415.000	3.709.415.000	-
+ Công ty CP Khách Sạn Hòa Bình Tây Ninh	8.710.382.860	8.710.382.860	(739.820.327)	8.710.382.860	8.710.382.860	-

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất là 6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.719.946.816	(477.774.830)	1.636.802.900	(477.774.830)
Công ty TNHH Châu Ngọc Hân	188.600.000	-	188.600.000	-
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	550.000.000	-	-	-
DNTN Tuấn Hùng	-	-	185.900.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	981.346.816	(477.774.830)	1.262.302.900	(477.774.830)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	695.266.000	-	32.674.000	-
Công ty CP Khách Sạn Hòa Bình	103.142.000	-	32.674.000	-
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	550.000.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần Lữ Hành Tây Ninh	42.124.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	19.247.975.099	-	15.351.899.802	-
Cổ tức phải thu	16.794.100.000	-	13.206.956.000	-
- Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	16.305.200.000	-	12.718.056.000	-
- Công ty CP Khách Sạn Hòa Bình	-	-	-	-
- Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh	151.680.000	-	151.680.000	-
- Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	337.220.000	-	337.220.000	-
Tạm ứng	222.045.100	-	141.900.000	-
Cầm cố ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.685.251.422	-	1.523.686.422	-
Các khoản phải thu khác	546.578.577	-	479.357.380	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	19.247.975.099	-	15.351.899.802	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.294.909	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	2.970.779.226	-	3.050.234.926	-
Hàng hóa	3.038.406.328	-	9.201.865.324	-
Cộng	6.022.480.463	-	12.252.100.250	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2015	4.355.381.105	224.247.267	2.536.079.578	-	7.115.707.950
- Mua trong kỳ	-	-	-	55.000.000	55.000.000
Tại 30/06/2015	4.355.381.105	224.247.267	2.536.079.578	55.000.000	7.170.707.950
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2015	125.213.912	8.160.108	1.175.618.618	-	1.308.992.638
- Khấu hao trong kỳ	146.993.706	11.212.362	112.388.922	947.223	271.542.213
Tại 30/06/2015	272.207.618	19.372.470	1.288.007.540	947.223	1.580.534.851
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	4.230.167.193	216.087.159	1.360.460.960	-	5.806.715.312
Tại 30/06/2015	4.083.173.487	204.874.797	1.248.072.038	54.052.777	5.590.173.099

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 581.321.581 đồng.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất tại xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Quyền sử dụng đất của Công ty không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Vườn cây khu Du lịch Núi Bà	311.029.367	311.029.367
Cộng	311.029.367	311.029.367

13. NỢ XẤU

	Tại 30/06/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh	477.774.830	-	477.774.830	-
DNTN Ngọc Giàu	60.000.000	-	60.000.000	-
Nguyễn Văn Huy	319.856.031	-	319.856.031	-
Lê Hiền Trí	97.918.799	-	97.918.799	-
Cộng	477.774.830	-	477.774.830	-

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Ngắn hạn	291.623.423	104.688.152
Chi phí thuê kho	228.572.439	-
Chi phí sửa chữa	2.715.000	21.895.833
Công cụ dụng cụ	60.335.984	82.792.319
Dài hạn	377.778.968	531.513.088
Chi phí bảo hiểm, phí đường bộ	42.818.154	11.780.262
Chi phí công cụ, dụng cụ	62.233.538	110.641.916
Chi phí thuê kho	272.727.276	409.090.910
Cộng	669.402.391	636.201.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.835.456.998	1.835.456.998	1.175.162.421	1.175.162.421
Ban QL Khu Di tích LS VH Danh thắng và DL núi Bà Đen	-	-	174.159.021	174.159.021
Công ty CP Nước Khoán Vĩnh Hào	-	-	137.655.396	137.655.396
Công ty CP Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh	1.665.700.311	1.665.700.311	863.348.004	863.348.004
Các khoản phải trả người bán khác	169.756.687	169.756.687	-	-
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.665.700.311	1.665.700.311	863.348.004	863.348.004
Công ty CP Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh	1.665.700.311	1.665.700.311	863.348.004	863.348.004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	28.533.155.513	26.318.164.000	2.214.991.513
Các loại thuế khác	721.000	3.000.000	3.000.000	721.000
	721.000	28.536.155.513	26.321.164.000	2.215.712.513
Cộng				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập cá nhân	566.449	75.234.219	79.161.948	4.494.178
Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.446.449	-	-	250.446.449
Thuế giá trị gia tăng	-	1.194.403.647	1.200.034.834	5.631.187
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	10.762.794	43.051.176	32.288.382
	251.012.898	1.280.400.660	1.322.247.958	292.860.196
Cộng				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	142.484.149	200.596.464
- Trích trước chi phí cung cấp dịch vụ bán đấu giá cổ phần Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	5.500.000	5.500.000
- Trích trước chi phí tư vấn chào bán quyền mua cổ phần tại Công ty CP Khách Sạn Hòa Bình và Tư vấn thoái vốn và chào bán cổ phần tại Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	35.000.000	35.000.000
- Trích trước chi phí phòng kinh doanh	41.984.149	50.096.464
- Trích trước phí viết đề án tư vấn phát triển du lịch, danh thắng và du lịch Quốc gia núi Bà Đen giai đoạn 2013-2020	60.000.000	60.000.000
- Trích trước chi phí khác	-	50.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	142.484.149	200.596.464

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	2.657.262.178	2.811.835.525
Kinh phí công đoàn	77.841.723	65.469.304
Bảo hiểm xã hội	23.767.248	6.185.830
Tiền thế chấp phải trả	2.318.056.749	2.372.489.033
Bảo hành công trình	38.781.550	219.350.450
Cổ tức phải trả	87.964.000	38.260.000
Các khoản phải trả khác	110.850.908	110.080.908
b) Dài hạn	288.483.000	234.985.500
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	288.483.000	234.985.500
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	2.945.745.178	3.046.821.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2014	45.702.100.000	16.170.553.893	3.593.925.948	10.850.458.791	76.317.038.632
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	12.856.666.098	12.856.666.098
- Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(5.484.252.000)	(5.484.252.000)
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2013	-	5.296.993.372	-	(5.866.206.791)	(569.213.419)
- Trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2013	-	-	-	(309.000.000)	(309.000.000)
- Kết chuyển quỹ dự phòng tài chính	-	2.750.612.098	(2.750.612.098)	-	-
- Giảm các quỹ trong năm	-	-	(843.313.850)	-	(843.313.850)
Tại 31/12/2014	45.702.100.000	24.218.159.363	-	12.047.666.098	81.967.925.461
Tại 01/01/2015	45.702.100.000	24.218.159.363	-	12.047.666.098	81.967.925.461
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	7.825.404.199	7.825.404.199
- Chia cổ tức năm 2014 (1)	-	-	-	(5.484.252.000)	(5.484.252.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, đầu tư phát triển năm 2014 (1)	-	5.860.414.098	-	(6.563.414.098)	(703.000.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015	-	-	-	(450.000.000)	(450.000.000)
- Lương, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2015	-	-	-	(139.500.000)	(139.500.000)
Tại 30/06/2015	45.702.100.000	30.078.573.461	-	7.235.904.199	83.016.577.660

(1) Công ty trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 28 ngày 29/06/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2015		Tại 01/01/2015	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh	80,8%	36.942.300.000	80,8%	36.942.300.000
Cty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh	4,3%	1.978.800.000	4,3%	1.978.800.000
Ông Lê Hữu Phước	0,1%	29.000.000	0,1%	29.000.000
Các cổ đông khác	14,8%	6.752.000.000	14,8%	6.752.000.000
Cộng	100%	45.702.100.000	100%	45.702.100.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.702.100.000	45.702.100.000
+ Vốn góp đầu kỳ	45.702.100.000	45.702.100.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	45.702.100.000	45.702.100.000

19.4 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19.5 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.078.573.461	24.218.159.363
Cộng	30.078.573.461	24.218.159.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. NGUỒN KINH PHÍ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	28.321.160.000	-
Chi sự nghiệp	25.859.058.585	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	2.462.101.415	-
Cộng	2.462.101.415	-

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
a) Doanh thu	89.097.922.471	61.262.060.145
Doanh thu nước giải khát	64.255.488.839	60.935.390.145
Doanh thu hạt điều, nhân điều	14.200.460.000	-
Doanh thu dịch vụ giữ xe, nón bảo hiểm	3.341.991.820	-
Doanh thu dịch vụ hang Rồng	991.436.363	-
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	2.283.181.818	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	4.021.363.631	-
Doanh thu khác	4.000.000	326.670.000
b) Doanh thu với các bên liên quan	2.794.713.000	1.419.785.989
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	516.564.000	442.318.989
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	2.209.000.000	926.995.000
Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh	69.149.000	50.472.000

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Giá vốn nước giải khát	60.709.712.210	58.816.245.577
Giá vốn hạt điều, nhân điều	14.040.500.000	-
Giá vốn dịch vụ giữ xe, nón bảo hiểm	2.459.632.617	-
Giá vốn dịch vụ hang Rồng	344.038.500	-
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	1.674.595.455	-
Giá vốn cho thuê mặt bằng	1.443.151.513	-
Giá vốn mặt hàng khác	-	309.214.689
Cộng	80.671.630.295	59.125.460.266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	549.126.119	122.609.372
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.587.144.000	8.152.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	1.698
Doanh thu hoạt động tài chính khác	23.644.516	21.526.885
Cộng	4.159.914.635	8.296.737.955

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí lãi vay	12.983.333	2.134.375
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	739.820.327	-
Cộng	752.803.660	2.134.375

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	2.075.575.141	1.984.491.802
Chi phí nhân viên quản lý	1.339.641.544	1.373.488.777
Chi phí đồ dùng văn phòng	65.485.906	86.071.092
Chi phí khấu hao TSCĐ	193.760.331	39.441.615
Thuế, phí và lệ phí	13.762.794	24.525.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.523.832	33.787.876
Chi phí bằng tiền khác	389.400.734	427.176.854
b. Các khoản chi phí bán hàng	2.768.967.751	2.279.883.451
Chi phí nhân viên	1.576.188.498	1.297.355.727
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	51.525.618	23.401.544
Chi phí khấu hao TSCĐ	78.998.748	75.576.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211.056.482	243.051.501
Chi phí bằng tiền khác	851.198.405	640.498.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu cho thuê mặt bằng, thuê nhà	-	13.154.546
Thù lao người đại diện vốn	218.408.333	-
Thu nhập khác hoạt động kinh doanh bia, nước giải khát	499.703.087	247.922.707
Thu nhập khác	283.432.520	1.708.000
Cộng	1.001.543.940	262.785.253

27. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí thâm định giá	-	1.500.000
Chi phí vận chuyển khách bằng xe ngựa	165.000.000	-
Cộng	165.000.000	1.500.000

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.825.404.199	6.428.113.459
Các khoản lỗ được kết chuyển	(6.393.621.645)	-
- Chuyển lỗ năm 2012	(1.718.759.463)	-
- Chuyển lỗ năm 2013	(1.889.908.280)	-
- Chuyển lỗ năm 2014	(2.784.953.902)	-
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	1.932.256.817	64.411.125
Chi phí không được trừ	165.000.000	-
Chi phí phải trả	142.484.149	64.411.125
Doanh thu chưa thực hiện	1.624.772.668	-
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(3.587.144.000)	(8.161.592.532)
Cổ tức nhận được	(3.587.144.000)	(8.161.592.532)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(223.104.629)	(1.669.067.948)
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.825.404.199	6.428.113.459
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(450.000.000)	(601.479.453)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	4.570.210	4.570.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (*)	1.614	1.275

Ghi chú (*):

- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 là số tạm trích.
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014: Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 28 ngày 29/06/2015, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị là 1.203.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2014. Do đó, Công ty đã tính lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng với lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 để điều chỉnh hồi tố lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.825.404.199	6.428.113.459
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(450.000.000)	(601.479.453)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP) (*)	1.614	1.275

Ghi chú (*):

- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 là số tạm trích.
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014: Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 28 ngày 29/06/2015, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị là 1.203.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2014. Do đó, Công ty đã tính lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng với lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.9

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.058.830.600	9.801.201.693
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.030.416.667	1.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.490.147.085	16.510.927.872
Đầu tư dài hạn	39.139.887.963	39.879.708.290
Cộng	81.719.282.315	67.191.837.855
	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.591.629.205	4.112.068.312
Chi phí phải trả	142.484.149	200.596.464
Cộng	4.734.113.354	4.312.664.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.303.146.205	288.483.000	4.591.629.205
Chi phí phải trả	142.484.149	-	142.484.149
Cộng	4.445.630.354	288.483.000	4.734.113.354
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.877.082.812	234.985.500	4.112.068.312
Chi phí phải trả	200.596.464	-	200.596.464
Cộng	4.077.679.276	234.985.500	4.312.664.776

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.058.830.600	-	21.058.830.600
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.030.416.667	-	1.030.416.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.967.921.915	-	20.967.921.915
Cộng	43.057.169.182	-	43.057.169.182
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.801.201.693	-	9.801.201.693
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.988.702.702	-	16.988.702.702
Cộng	27.789.904.395	-	27.789.904.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Kinh doanh nước giải khát VND	Kinh doanh hạt điều, nhân điều VND	Kinh doanh dịch vụ tại KDL VND	Kinh doanh mặt hàng khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	64.255.488.839	14.200.460.000	10.641.973.632	-	89.097.922.471
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.255.488.839	14.200.460.000	10.641.973.632	-	89.097.922.471
Chi phí bộ phận	(60.709.712.210)	(14.040.500.000)	(5.921.418.085)	-	(80.671.630.295)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.545.776.629	159.960.000	4.720.555.547	-	8.426.292.176
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	8.426.292.176
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	4.159.914.635
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(752.803.660)
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	(2.768.967.751)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(2.075.575.141)
Thu nhập khác	-	-	-	-	1.001.543.940
Chi phí khác	-	-	-	-	(165.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	7.825.404.199
Tổng tài sản	-	-	-	-	94.989.908.245
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	9.511.229.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp):

Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Kinh doanh nước giải khát VND	Kinh doanh hạt điều, nhân điều VND	Kinh doanh dịch vụ tại KDL VND	Kinh doanh mặt hàng khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	60.935.390.145	-	-	326.670.000	61.262.060.145
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.935.390.145	-	-	326.670.000	61.262.060.145
Chi phí bộ phận	(58.816.245.577)	-	-	(309.214.689)	(59.125.460.266)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.119.144.568	-	-	17.455.311	2.136.599.879
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	2.136.599.879
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	8.296.737.955
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(2.134.375)
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	(2.279.883.451)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(1.984.491.802)
Thu nhập khác	-	-	-	-	262.785.253
Chi phí khác	-	-	-	-	(1.500.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	6.428.113.459
Tổng tài sản	-	-	-	-	84.640.213.071
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	8.088.026.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

32.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê kho số 02/HĐTK ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Tây Ninh, thời hạn 24 tháng bắt đầu từ ngày 15 tháng 02 năm 2012, đơn giá thuê đã bao gồm thuế GTGT là 25.000.000 đồng/tháng.
- Hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 949,1 m² đất để xây dựng Văn phòng, thời hạn thuê 50 năm từ ngày 27 tháng 3 năm 2006 đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2056. Đơn giá thuê:
 - Từ 27/3/2006 – 26/3/2011: 9.750 đồng/m²/năm.
 - Từ 27/3/2011 – 26/3/2016: 45.360 đồng/m²/năm.
 - Sau ngày 26/3/2016: đơn giá thuê được tính lại theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010.

32.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

32.3 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết của Công ty CP Du Lịch – Thương Mại Tây Ninh.

Các bên liên quan

Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh
Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh
Công ty CP Khách Sạn Hòa Bình Tây Ninh
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh

Mối quan hệ

Cổ đông sáng lập
Công ty con
Công ty con
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.3 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh		
- Bán hàng	469.603.637	402.108.172
- Mua Hàng	-	24.384.366.353
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh		
- Bán hàng	2.008.181.819	842.722.727
- Mua Hàng	23.724.539.885	-
Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh		
- Bán hàng	62.862.727	45.883.637
- Mua Hàng	-	-
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh		
- Cổ tức đã trả	4.433.076.000	4.431.275.616

Số dư với bên liên quan:

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh		
- Phải trả tiền mua hàng	1.665.700.311	863.348.004
- Thế chấp, ký quỹ	1.245.393.922	1.183.828.922
- Nhận thế chấp, ký quỹ	588.280.883	479.706.783
- Cổ tức phải thu	16.305.200.000	12.718.056.000
Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh		
- Cổ tức phải thu	151.680.000	151.680.000
Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh		
- Cổ tức phải thu	337.220.000	337.220.000
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh		
- Phải thu tiền bán hàng	103.142.000	32.674.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc	397.500.000	397.500.000
- Thù lao HĐQT, BKS	103.500.000	103.500.000
- Tổng thu nhập Ban Giám đốc	294.000.000	294.000.000

32.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

32.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty chưa được soát xét. Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại như sau (xem thêm mục 29 trên Thuyết minh báo cáo tài chính):

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	
		Sau điều chỉnh VND	Trước điều chỉnh VND
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	70	1.275	1.407

Như được nêu tại Thuyết minh số 3.1, Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Do có sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp nên một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.6 SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

Chi tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2015
		theo QĐ 15/2006	theo TT 200/2014
		VND	VND
Bảng Cân đối kế toán			
Đầu tư ngắn hạn	121	1.000.000.000	
Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	123	-	1.000.000.000
Các khoản phải thu khác	135	13.686.313.380	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	-	15.351.899.802
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	311.029.367
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.976.615.789	-

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng

Võ Phước Hồng

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Phước

